Quyển 34 (Kinh số 940 - 969)

Kinh Tạp A-Hàm (Trung Tâm DT Trí Tịnh - VNC PHVN, 2022)

1016 KINH TẠP A-HÀM

QUYỂN 34 940. THẺ ĐẾM1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-dà, thuộc nước Xá-vệ. - Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: —Chúng sanh từ vô thỉ bị vô minh che lấp, bị ái buộc cổ, luân chuyển mãi trong đêm dài sanh tử không biết đâu là cội nguồn của khổ đau. Này các Tỳ-kheo! Ý các thầy thế nào? Nếu chặt tất cả các loại cỏ cây trên mặt đất này làm thẻ, mỗi thẻ kích cỡ bằng bốn ngón tay, rồi dùng số thẻ này để đếm cha mẹ mà các thầy đã nương gá trong vòng luân hồi sanh tử thì số thẻ đó không đủ so với số lượng cha mẹ của các thầy. Này các Tỳ-kheo! Chúng sanh từ vô thỉ bi vô minh che lấp, bi ái buộc cổ? luân chuyên mãi trong đêm dài sanh tử không biêt đâu là cội nguôn của khô đau như vậy. Thế nên, Tỳ-kheo các thầy phải nên học như vậy, phải siêng năng tinh tấn, đoạn trừ các hữu, không cho tăng trưởng. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

941. VÔ LƯỢNG MẸ CHA12 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh từ vô thỉ đến nay mãi trôi lăn trong đêm dài sanh tử, không biết đâu là cội nguồn của khổ đau. Thế nào, này các Tỳ-kheo! Nếu lấy hết bùn đất nơi đại địa này mà vo lại thành viên như trái bà-la3 để đếm cha mẹ của các

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.940. 0241bl5). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r 02. 01Ó0.333.0486c07);5. 15.1-II. 178. 2 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.941. 0241Ồ24). Tham chiếu: Biệt Tạp.(102. 0100.334. 0486C19); s. 15.2 - II. 179. 3 Bà-la quả ()còn gọi uam-bà-la quả,?().ở Ấn Độ gọi là trái amla, hoặc cũng gọi là amalaki, ơ Việt Nam gọi là me rừng, chùm ruột núi, co tên gọi khoa học là Phyllanthùs Emblica.

QUYỂN 34 1017

thầy đã nương gá trong vòng luân hồi sanh tử từ vô thỉ đến nay thì số viên đất ấy không đủ so với số cha mẹ của các thầy. Này các Tỳ-kheo! Chúng sanh mãi trôi lăn trong đêm dài sanh tử từ vô thỉ đến nay, không biết đâu là cội nguồn của khổ đau. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Các thầy phải siêng năng tinh tấn đoạn trừ các hữu,4 không cho tăng trưởng. Hãy nên học như vậy! Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

942. AN VUI4 5 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh từ vô thỉ đến nay mãi trôi lăn trong đêm dài sanh tử, không biết đâu là cội nguồn của khổ đau. Này các Tỳ-kheo! Nếu thấy các chúng sanh vui sống bình an thì các thầy nên nghĩ ràng: "Khi trôi lăn trong đêm dài sanh tử thì chúng ta cũng từng thọ hưởng vô lượng niềm vui nay?9 Này các Tỳ-kheo! Chúng sanh từ vô thỉ đến nay mãi trôi lăn trong đêm

dài sanh tử, không biết đâu là cội nguồn của khổ đau. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Các thầy phải siêng năng tinh tấn đoạn trừ các hữu, không cho tăng trưởng. Hãy nên học như vậy! Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

943. KHỔ ĐAU6*

A

Tôi nghe như vây:

Một thời, dức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-dà, thuộc nước Xá-vệ.

4 Nguyên tác: Chư hữu ().Các cảnh giới tái sanh của chúng sanh, gọi chung là "hữu." Kinh văn thường chia ra có 3 hữu: Dục hữu, sắc hữu, vô sác hữu; 4 hữu: Sinh hữu, bôn hữu, tử hữu, trung hữu; 7 hữu: Địa ngục, súc sanh, nga quỷ, thiên hữu, nhân hữu, nghiệp hữu, trung hữu; 9 hữu: Loài người và 6, trời Dục giới, 4 cõi thiền và 4 cõi định; 25 hữu: Từ địa ngục đến Vô sở hữu xứ, cho nên gọi một cách tổng quất la "cZc hữu.,^ 5 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.942.024ÍC04). Tham chiếu: Biệt Tạp.(T.02. 0100.335. 0486C29); 5. 15.12-11. 186. 6 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.943. 0241C12). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r.02. 0100.336. 0487al0); S. 15.11 - II. 186.

1018 KINH TẠPA-HÀM

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh từ vô thỉ đến nay mãi trôi lăn trong đêm dài sanh tử, không biết đâu là cội nguồn của khổ đau. Này các Tỳ-kheo! Nếu gặp các chúng sanh chịu nhiều đau khổ thì các thầy nên nghĩ rằng: “ppii trôi lăn trong đêm dài sanh tử thì chúng ta cũng từng chịu vô lượng nỗi khổ như v^y." The nên, này các Tỳ-kheo! Các thây phải siêng năng tinh tấn đoạn trừ các hữu, không cho tăng trưởng. Hãy nên học như vậy! Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

944. SỢ HÃI7 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. J Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh từ vô thỉ đến nay mãi trôi lăn trong đêm dài sanh tử, không biết đâu là cội nguồn của khổ đau. Này các Tỳ-kheo! Nếu các thầy thấy các chúng sanh mà sanh lòng sợ hãi, sởn cả gai ốc thì phải nghĩ rằng: "Trong quá khứ, chúng ta nhất định đã từng sát sanh, đã làm tổn thương, là kẻ ác tri thức của họ nên bi trôi lăn trong đêm dài sanh tử từ vô thỉ đến nay, không biết đâu là cội nguồn của khổ dàu." Thế nên, này các Tỳ-kheo! Các thầy phải siêng năng tinh tấn đoạn trừ các hữu, không cho tăng trưởng. Hãy nên học như vậy! Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

945. YÊU MẾN8

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ? Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Chúng sanh từ vô thỉ đến nay mãi trôi lăn trong đêm dài sanh tử, không biết đâu là cội nguồn của khổ đau.

[Tya đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.944. 024ÍCỈ9). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r.02. 01Ỏ0.337. 0478al7). 8 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Top.(T.02. 0099.945. 0241c27). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.952. 0243a06); Tạp.M (T.02. 0100.345. 0488a26); Biệt Tạp.(r02. 0100338 0487a23); s. 15.14-17 - ÍL 189; s. 15.18-19 - IL 190.

Này các Tỳ-kheo! Nếu thấy chúng sanh mà sanh tâm vui mừng, yêu mến thì phải nghĩ rằng: "Những chúng sanh này trong đời quá khứ nhất định đã từng làm cha mẹ? anh em, vợ con, quyến thuộc, thầy bạn, thiện tri thức của chúng ta, do trôi lăn trong đêm dài sanh tử, bị vô minh che lấp, bị ái buộc cổ nên không biết đâu là cội nguồn của khổ đau.95 Thế nên, này các Tỳ-kheo! Các thầy phải siêng năng tinh tấn đoạn trừ các hữu, không cho tăng trưởng. Hãy nên học như vậy! Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

946. CÁT SÔNG HẰNG9 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có một Bà-la-môn đến chỗ Phật, cung kính thăm hỏi. Sau khi thăm hỏi xong, ngồi sang một bên và bạch: Thưa Cù-đàm, trong đời tương lai sẽ có bao nhiêu đức Phật? Phật bảo Bà-la-môn: Đời tương lai có vô lượng chư Phật, nhiều như cát sông Hằng. Bấy giờ, Bà-la-môn nghĩ rằng: "Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác ở đời tương lai nhiều vô lượng, nhiều như cát sông Hằng, ta sẽ theo các Ngài tu Phạm hạnh.” Sau khi nghe Phật chỉ dạy, Bà-la-môn tâm rất hoan hỷ và tùy hỷ, đứng dậy ra về. Trên đường về, Bà-la-môn suy nghĩ: "H6m nay, ta chỉ hỏi Sa-mon Cù- đàm về chư Phật đời tương lai mà chưa hỏi chư Phật ở quá khứ." Nghĩ rồi, ông liền trở lại hỏi Thế Tôn: Thưa Cù-đàm! Trong đời quá khứ có bao nhiêu đức Phật? Phật bảo Bà-la-môn: -Đời quá khứ cũng có vô lượng chư Phật, nhiều như cát trong sông Hằng vậy. Lúc ấy, Bà-la-môn liền nghĩ: “Trong đời quá khứ có vô lượng chư Phật, Thế Tôn, nhiều như cát sông Hằng vậy mà ta chưa từng được gặp. Nếu như đời tương lai có vô lượng chư Chánh Đẳng Chánh Giác nhiều như cát sông Hằng thì ta cũng sẽ không được thân cận và có được niềm vui. Ngay đây ta nên ở chỗ Sa-môn Cù-đàm tu hành Phạm hạnh." Nghĩ rồi, ông liền chắp tay bạch Phật: Cúi xin Thế Tôn cho phép con xuất gia tu Phạm hạnh trong Giáo pháp và Giới luật của Ngài!

9 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.946. 0242a08). Tham chiếu: Biệt Tạp.(T.02. 0100.339.0487b02); s. 15.8 -II. 183.

Phật bảo Bà-la-môn: -Ta chấp thuận cho ông xuất gia tu Phạm hạnh, thọ giới Tỳ-kheo trong Giáo pháp và Giới luật của Như Lai. Bấy giờ, Bà-la-môn liền được xuất gia thọ giới Cụ túc. Sau khi xuất gia, thầy ấy một mình đến nơi thanh vắng, siêng năng tu tập, chuyên tâm tư duy lý do mà người thiện nam cạo bỏ râu tóc, với niềm tin chân chánh, từ bỏ gia đình, sống không gia đình... (cho đến) chứng đắc A-la-hán. *** 947. NÚI

XƯƠNG KHÔ10* Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại núi Tỳ-phú-la, thuộc thành Vương Xá.11 Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo: -Một người trôi lăn trong sanh tử trải qua một kiếp, nếu xương trắng không bi hư hoại sẽ được chất cao như núi Tỳ-phú-la. Nếu vị Thánh đệ tử đa văn biết rõ như thật Thánh đế về khổ nay, biết rõ như thật Thánh đế về nguyên lứiân của khổ, biết rõ như thật Thánh đế về khổ diệt và biết rõ như thật Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt này thì do vị ấy biết như vậy, thấy như vậy nên sẽ đoạn được ba kiết sử là thân kiến, giới thủ và nghi. Do dứt sạch ba kiết sử này nên chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn rơi vào đường ác, quyết đinh hướng thẳng đến Vô thượng Chánh giác,12 chỉ còn bảy lần tái sanh vào cõi trời, cõi người là vượt thoát kho đau. Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ: r r \

Đời người qua một kiếp, Xương cót phải chát chông, Như núi Tỳ-phúla, Nếu không bi hư hoại. Nếu các Thánh đệ tử, Chánh trí thấy sự thật, Đây khổ, nguyên nhân khổ, Lìa khổ chứng tịch diệt. Tu Thánh đạo tám chi, Thẳng đến Bát-niết-bàn, Tối đa bảy lần sanh, Qua lại cõi trời, người, Sẽ dứt hết kiết sử, Vượt thoát mọi khổ đau. Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

^Tựa đề đặt theo nội dung kinh 0 (r02.0099.947. 0242a28). Tham chieu^Bzf/Tạp.(r.02. 0100.340. 0487b17); Biệt Tạp.(T.02. 0101.11. 0496Ồ14); Tích cốt kinh (fo2. 0150A.30. 0880b 10); S. 15.10-11. 185. y Nguyên tác: Vương Xá thành Tỳ-phú-la sơn (Veppulla pabbatā), s. 15.10 - II. 185 lại ghi: Rājagahe Gijjhakūtepabbate (uên núi Kỳ-xà quật, thành Vương Xá), HT. Thích Minh Châu dịch. 12 Nguyên tác: Tam-bồ-đề (,Sambodhi).

QUYỂN 34 1021

948. KIẾP số DÀI LÂU13 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh từ vô thỉ đến nay mãi trôi lăn trong đêm dài sanh tử, không biết đâu là cội nguồn của khổ đau. Bây giờ, có một Tỳ-kheo từ chô ngôi đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai bên phải, đảnh lễ đức Phật, gối phải sát đất, chắp tay bạch Phật: - Kính bạch Thế Tôn! Một kiếp dài bao lâu? Phật nói với Tỳ-kheo ấy: -Ta có thể vì thầy giảng nói, nhưng thầy khó có thể biết được. Tỳ-kheo bạch Phật: -Bạch Thế Tôn! Ngài có thể nói một ví dụ được không? Đức Phật nói: -Có the được, này Tỳ-kheo! Ví như có thành bằng sắt, vuông vức một do- tuần, trên dưới cũng như vậy. Bên trong thành chứa đầy hạt cải. Cứ một trăm năm mới có người đến lấy đi một hạt cải và cứ lấy như vậy cho đến khi số hạt cải kia hết sạch mà một kiếp vẫn chưa hết. Cũng vậy, này Tỳ-kheo! Kiếp dài lâu như vậy đó. Trong một kiếp dài như vậy, chúng sanh luân hồi trong các đường ác địa ngục, súc sanh, nga quỷ phải chiu trăm, ngàn, vạn, ức nỗi khổ đau cùng cực nối tiếp nhau, xương chất thành núi, máu chảy thành sông. Đó gọi là từ vô thỉ mãi luân hồi sanh tử, không biết đâu là cội nguôn của khô. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Các thầy phải siêng năng tinh tấn đoạn trừ các hữu, không cho tăng trưởng. Hãy nên học như vậy! Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đêu hoan hỷ phụng hành. ***

949. NÚI MÒN14

Tôi nghe như vầy:
Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.
13 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.948. 0242b 16). Tham chiếu: Biệt Tạp,(r 02. 0100.341. Ò487c06); Td(T.02. 0125.52.3. 0825b 16); s. 15.6-II. 182. 14 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.949. 0242c01). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r 02. 0100.342. Ỏ487c21); Tăng.(r.Ò2. 0125.52.4. 0825c07); s. 15.5 - II. 181.

1022 KINH TẠPA-HÀM

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh từ vô thỉ đến nay mãi trôi lăn trong đêm dài sanh tử, không biết đâu là cội nguồn của khô đau. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai bên phải, đảnh lễ đức Phật, gối phải sát đất, chắp tay bạch rằng: Kính bạch Thế Tôn! Một kiếp dài bao lâu?

Phật bảo các Tỳ-kheo: Ta có thể vì thầy giảng nói, nhimg thầy khó có thể biết được.

Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ngài có thể nói một ví dụ được không?

Đức Phật nói: Có thể được, này Tỳ-kheo! Ví như một ngọn núi đá lớn, không bi nứt, không bi phá hủy, vuông vức một do-tuần. Nếu có người dùng mảnh lụa Ca-thi kiếp-bối,15 cứ một trăm năm phủi qua một lần và phủi đều đặn như vậy cho đến khi núi đá mòn hết thì một kiếp vẫn chưa hết. Này Tỳ-kheo? một kiếp dài lâu như vậy, chúng sanh trải qua trăm, ngàn, vạn, ức kiếp chiu các khổ não... (cho đến) này các Tỳ-kheo! Các thầy phải siêng năng tinh tấn đoạn trừ các hữu, không cho tăng trưởng. Hãy nên học như vậy! Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 950. KIẾP QUÁ KHỨ16 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ? Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Chúng sanh từ vô thỉ đến nay mãi trôi lăn trong đêm dài sanh tử, không biết được cội nguồn của khổ đau. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai bên phải, đảnh lễ đức Phật, gối phải sát đất rồi chắp tay bạch rằng: Kính bạch Thế Tôn! Quá khứ có bao nhiêu kiếp?

15 Nguyên tác: Ca-thi kiếp-bối (kāsika yattha), vải lụa nổi tiếng được sản xuất ở nước Kāsi. 16 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02.0099.950. 0242c13). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r 02. 0100.343. 0488a07); 5. 15.7 - II. 182.

QUYỂN 34 1023

Phật bảo các Tỳ-kheo: Ta có thể vì thầy giảng nói, nhưng thầy rất khó biết được.

Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ngài có thể đưa ra một ví dụ được không?

Đức Phật nói: Có thể được, này Tỳ-kheo! Ví như có người sống khoảng một trăm tuổi. Buôi sáng nhớ lại ba trăm ngàn kiêp. Buổi trưa nhớ lại ba trăm ngàn kiếp. Buổi chiều nhớ lại ba trăm ngàn kiếp. Ngày nào cũng nhớ nghĩ đến số kiếp như vậy cho đến trăm tuổi lâm chung thì cũng không thể nhớ hết tận cùng của số kiếp. Cũng vậy, này Tỳ-kheo5 quá khứ có vô lượng số kiếp như vậy đó. Trong vô lượng sô kiêp ở quá khứ,

chúng sanh đã luân hôi trong các đường ác địa ngục, súc sanh, nga quỷ, mãi mãi chịu mọi thống khổ, xương chất thành núi, máu chảy thành sông. Thật vậy^ Tỳ-kheo! Chúng sanh từ vô thỉ đến nay mãi luân hồi trong sanh tử, không biết được cội nguồn của khổ. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Các thầy phải siêng năng tinh tấn đoạn trừ các hữu, không cho tăng trưởng. Hãy nên học như vậy! Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 951. BIẾT ĐÂU NGUỒN CÔI17 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh mãi trôi lăn trong đêm dài sanh tử từ vô thỉ đến nay, không biết đâu là cội nguồn của khổ đau. Không một nơi nào mà chúng sanh không từng sanh ra và chết đi. Thật vậy, chúng sanh mãi luân hồi sanh tử từ vô thỉ, không biết được cội nguồn của khổ đau. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Các thầy hãy đoạn trừ các hữu lậu, không cho tăng trưởng. Hãy nên học như vậy! Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

17 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.951. 0242c28). Tham chiếu: Biệt Tạp.(7.02. 0100.344. Ò488a20).

952. THÂN QUYẾN18 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, Thê Ton bao các Tỳ-kheo: Chúng sanh mãi trôi lăn trong đêm dài sanh tử từ vô thỉ cho đến nay, không biết đâu là cội nguồn của khổ đau. Không một nơi nào mà không có cha mẹ? anh em, vợ con, quyến thuộc, thân thích và thầy của chúng ta. Thật vậy, chúng sanh mãi luân hồi sanh tử từ vô thí, không biết được cội nguồn của khổ đau. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Các thầy hãy đoạn trừ các hữu lậu, không cho tăng trưởng. Hãy nên học như vậy! Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 953. BONG BÓNG NƯỚC19 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Chúng sanh mãi trôi lăn trong đêm dài sanh tử từ vô thỉ cho đến nay, không biêt đâu là cội nguôn của khô đau. Ví như trời đô mưa lớn, bong bóng nước vừa nổi liền tan. Cũng vậy, chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái buộc cổ, luân hồi sanh tử từ vô thí, sanh ra rồi chết đi, trôi lăn mãi không biết được cội nguồn của khô đau. Thê nên, này các Tỳ-kheo! Các thây hãy đoạn trừ các hữu lậu, không cho tăng trưởng. Hãy nên học như vậy! Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 954. TRẬN MƯA LỚN20 Tôi nghe như vầy:

18 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.952. 0243a06). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.945. 0241C27); Biêt Tạp.(r.O2. 0100.338. 0487a23); Biết Tạp.(T.02. 0100345. 0488a26); s. 15.14-15-16-17 - II. 189; s. 15.18-19 - II. 190. 19 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02.0099.953.0243al3). Tham chiếu: 7(^.(T.02.0099.265. 0068029); Tạp.(7L02. 0099.659. 0184a08); Ngụ ấm thí dụ kinh (T.02. 0105. 0501a04); Thủy mạt sơ phiêu kinh (T.02. 0106. 0501 c08); Ś. 22.95 - III. 140; s. 48.50 - v. 225. 20 Tựa đề đặt theo nội dung kinh (r02. 0099.954. 0243a21). Tham chiếu: Biệt Tạp.(T.02. 0100.347. 0488b12); Biệt Tạp.(r.O2. 0100.348. 0488b21)?s. 15.9 - II. 184.

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Chúng sanh mãi trôi lăn trong đêm dài sanh tử từ vô thỉ cho đến nay, không biết đâu là cội nguồn của khổ đau. Ví như một trận mưa lớn tuôn xuống khắp nơi, Đông, Tây, Nam, Băc nơi nào cũng ngập nước. Cũng vậy, kiếp thành và hoại của vô lượng quốc độ trong bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc cũng như một trận mưa lớn tuôn xuống khắp cõi nước không sót một chỗ nào. Thật vậy, chúng sanh mãi luân hồi sanh tử từ vô thỉ không biết đâu là cội nguồn của khổ đau. Ví như tung cây gậy lên không trung, có thể đầu gậy rơi xuống trước, hoặc đuôi gậy rơi xuống trước, hoặc cây gậy rơi ngang xuống. Cũng vậy, chúng sanh luân chuyển mãi trong đêm dài sanh tử từ vô thi, từng đọa vào địa ngục, hoặc đọa vào súc sanh, hoặc đọa vào nga quỷ. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Các thầy hãy đoạn trừ các hữu lậu, không cho tăng trưởng. Hãy nên học như vậy! Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 955. QUAY MÃI KHÔNG DỪNG21 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá.ve. Bây giơ, The Ton bao các Ty-kheo: Chúng sanh mãi trôi lăn trong đêm dài sanh tử từ vô thỉ cho đến nay, không biết đâu là cội nguồn của khổ đau. Này các Tỳ-kheo! Ví như vòng bánh xe có năm nan hoa, một thanh niên khỏe mạnh có the khiến bánh xe quay mãi không dừng. Chúng sanh xoay vần theo bánh xe năm đường, hoặc đọa vào địa ngục, hoặc đọa làm nga quỷ, hoặc sanh vào loài súc sanh, hoặc sanh lên cõi trời, hoặc sanh làm người, luân chuyển không dừng. Thật vậy, chúng sanh mãi trôi lăn trong đêm dài sanh tử từ vô thí, không biết đâu là cội nguồn của khổ đau. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Các thầy hãy đoạn trừ các hữu lậu, không cho tăng trưởng. Hãy nên học như vậy! Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. ***

21 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.955.0243a04). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r 02. 0100.349. 0488C01).

956. VÔ THƯỜNG ĐẾN CẢ SƠN KHÊ22 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ gần bên núi Tỳ-phú-la,23 tại thành Vương Xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Muôn sự muôn vật đều24 vô thường, muôn sự muôn vật đều không bền chắc, không an ổn? là pháp biến đổi. Này các Tỳ-kheo! Hãy sanh tâm nhàm chán đối với muôn sự muôn vật, chỉ cầu niềm vui giải thoát. Này các Tỳ-kheo! Vào thời quá khứ, núi Tỳ-phú-la này có tên là núi Trường Trúc,25 khu vực ngươi dân cư ngụ chung quanh núi gọi là ấp Đê-di-la.26 Người dân ấp Đê-di-la thọ bốn vạn tuổi. Mỗi khi họ muốn leo lên đỉnh núi này thì phải mất bốn ngày mới trở về. Bấy giờ, có Phật Ca-la-ca-tôn-đề?27 Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thiïợng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian, thuyết pháp giáo hóa, khai mở, hiển bày; pháp ấy phần đầu thiện, phần giữa thiện và phần cuối cũng thiện, nghĩa lý tốt đẹp, câu chữ chính xác, thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch.28 Hiện tại tên núi Trường Trúc đã biến mất, dân chúng ấp Đê-di-la cũng chẳng

còn, đức Phật, Như Lai kia thì đã vao Bát-niết-bàn. Tỳ-kheo nên biết, muôn sự muôn vật đều vô thường, không bền chắc, không an ổn? là pháp biến đổi. Vì thế các thầy hãy tu tap, khởi tâm nhàm chán, lìa dục đối với muôn sự muôn vật để đạt được giải thoát. Này các Tỳ-kheo! Vào thời quá khứ, núi Tỳ-phú-la này có tên là Bằng-ca,29 khu vực người dân cư trú xung quanh núi gọi là ấp A-tỳ-ca. Tuổi thọ người dân lúc đó là ba vạn tuổi. Mỗi khi người A-tỳ-ca muốn leo lên đỉnh núi này phải mất ba ngày mới trở về. Bấy giờ, có Phật Câu-na-hàm Mâu-ni5 Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở đời, diễn nói kinh pháp, khai mở, hiên bày; pháp ây phân đâu thiện, phân giữa thiện và phân cuôi cũng

22 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.r02. 0099.956. 0243b13. Tham chiếu: Biệt Tạp.r 02. 0100.350. 0488C07; s. 15.20 - IL 190. 23 Tỳ-phú-la ,Vepulla. 24 Nguyên tác: Nhất thiết hành ,còn gọi là "chu hành,, ,chỉ cho tất cả các pháp hữu vi, muôn sự muôn vật trên đời. 25 Trường Trúc sơn Pācīnavamsa. 26 Đê-di-la ,Tivarā. 27 Ca-la-ca-tôn-đề ,Kakusandha: Phật Câu-lưu-tôn. ^Nguyen tác: Sơ tning hâu thiện, thiện nghĩa, thiện VỊ, thuần nhất mãn tịnh, Phạm hạnh thanh bạch .Xem chú thích 94, kinh số 53, quyểii 2, tr. 55; Tạp. 02. 0099.53. 0012C04. 29 Bằng-ca ,Vañkaka.

QUYỂN 34 1027

thiện, nghĩa lý tốt đẹp, câu chữ chính xác, thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch. Này các Tỳ-kheo! Tên núi Bằng-ca kia đã biến mất từ lâu? dân chung ấp A-tỳ-ca từ lâu cũng chăng còn, đức Phật, Thế Tôn kia cũng vào Bát-niết-bàn. Thật vậy, Tỳ-kheo, mọi sự trên đời đều vô thường, không bền chắc, không an ôn, là pháp biến đổi. Thế nên, Tỳ-kheo các thầy phải tu tập khởi tâm nhàm chán, tìm cầu niềm vui giải thoát. Này các Tỳ-kheo! Vào thời quá khứ, núi Tỳ-phú-la này có tên là Tú-ba-la- thủ,30 khu vực người dân cư ngụ xung quanh núi gọi là ấp Xích Mã.31 Tuổi thọ người dân là hai vạn tuổi. Người dân ở đây muốn leo lên đỉnh núi này phải mất hai ngày mới trở về. Bấy giờ, có Phật Ca-diếp, Như Lai, ứng Cúng... cho đến xuất hiện ở đời, diễn nói kinh pháp, khai mở, hiển bày; pháp ấy phần đầu thiện, phần giữa thiện và phần cuối cũng thiện, nghĩa lý tốt đẹp, câu chữ chính xác, thuần nhất thanh tịnh, Phạm hạnh trong sạch. Tỳ-kheo nên biết, tên núi Ba-la-thủ đã biến mất từ lâu, dân chung ấp Xích Mã từ lâu cũng không còn, đức Phật, Thế Tôn kia cũng vào Bát-niết-bàn. Thật vậy, Tỳ-kheo, mọi sự trên đời đều vô thường, không bền chắc, không an ổn, là pháp biến đổi. Thế nên, Tỳ-kheo các thầy hãy tu tập, khởi tâm nhàm chán để đạt được giải thoát. Này các Tỳ-kheo! Hiện tại núi này tên là Tỳ-phú-la? khu vực người dân cư ngụ xung quanh núi gọi là nước Ma-kiệt-đề.32 Tuổi thọ người dân nơi đây là một trăm tuổi, nếu tự mình khéo điều hòa sẽ sống trọn trăm tuổi. Người Ma- kiệt-đề leo lên đỉnh núi này chỉ trong chốc lát là có thể về tới. Nay Ta ở nơi này chứng đắc thành bậc Như Lai, ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác... cho đến Phật, Thế Tôn, diễn nói Chánh pháp, giáo hóa giúp chúng sanh được Niết-bàn tịch diệt, đạt được chánh đạo, thành bậc Thiện Thệ, tự mình giác tri. Tỳ-kheo nên biết, tên núi Tỳ-phú-la này rồi cũng sẽ biến mất, người Ma- kiệt-đề

cũng sẽ diệt vong. Không còn bao lâu, Như Lai sẽ vào Bát-niết-bàn. Thật vậy, Ty-kheo! Mọi sự trên đời đều vô thường, không bền chắc, không an ổn, là pháp biến đổi. Thế nên, Tỳ-kheo các thầy phải tu tập khởi tâm nhàm chán, lìa dục để đạt được giải thoát. Bây giơ, The Ton liên noi kê: Xưa là núi Trường Trúc, Ấp tên Đê-di-la, Ke là núi Bằng.ca, Tụ lạc A-tỳ-ca.

30 Nguyên tác: Tú-ba-la-thủ Supassa. 31 Nguyên tác: Xích Mã Rohitassā:
Ngựa đỏ. 32 Ma-kiệt-đề ,Magadha tức Ma-kiệt-đà.

1028 KINH TẠPA-HÀM

Núi Tú-ba-la-thủ? Tụ lạc tên Xích Mã,
Nay núi Tỳ-phú-la, Nước tên Ma-kiệt-đà?
Ten núi đêu biên mat, Dân chúng cũng chẳng còn.
Chư Phật Bát-niết-bàn, Trước có nay đều mất,
Mọi sự đều vô thường, Đều là pháp sanh diệt,
Có sanh ắt có diệt, Chỉ tịch diệt là vui.
Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.
***
957. THÂN VÀ MẠNG33 x
Tôi nghe như vây:
Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành
Vương Xá.
Bấy giờ, có tu sĩ ngoại đạo dòng Bà-sa34 đi đến chỗ Phật, chắp tay chào hỏi xong, ông ngồi sang một bên và bạch Phật:
Thưa Cù-đàm? tôi có điều muốn hỏi, không biết Ngài có thời gian để giải đáp cho chăng?
Phật nói với tu sĩ Bà-sa:
Tùy theo điều ông hỏi mà Ta sẽ trả lời.
Tu sĩ Bà-sa bạch Phật:
-Thế nào, thưa Cù-đàm, mạng tức là thân phải không?
Phật bảo tu sĩ Bà-sa:
Mạng tức là thân, điều này không thể khẳng định.
Tu sĩ Bà-sa lại bạch:
-Vậy thì, thưa Cù-đàm! Mạng khác với thân chăng?
Phật bảo tu sĩ Bà-sa:
Mạng khác với thân, điều này cũng không thể khẳng định.
Tu sĩ Bà-sa nói: Thưa Cù-đàm! Vì sao khi tôi hỏi: "Mạng có phải là thân kh6ng?" thì Ngài trả lời: "Không thể khẳng djnh." Tôi lại hỏi: "Mạng khác với thân phải kh6ng?" thì Ngài cũng trả lời: "Không thể khẳng định.95 Thưa Sa-môn Cù-đàm! Có những điều đặc biệt gì để khi vị đệ tử qua đời liền được thầy xác định sẽ sanh vào chỗ này, sẽ sanh vào nơi kia. Những người

33 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.02. 0099.957. 0244a09. Tham chiếu: s. 44.9 - IV. 398. 34 Nguyên tác: Ba-tha chủng xuất g[?,Tu sĩ ngoại đạo thuộc phái du sĩ paribbājakā, thuốc dòng họ gotta Bà-tha Vaccha. Biệt Tạp.T.02. 0100.190. 0443a09 ghi la "Phạm chí Độc Tỉr".6tĐộc Tử"được dịch sát từ Vacchagotta.

đệ tử đó qua đời, xả thân ở nơi này liền nương theo ý sanh thân,35 sanh vào nơi khác. Ngay lúc đó, chẳng phải là mạng khác với thân sao? Phật bảo Bà-sa: Đây là nói vê hữu dư, chứ không phải nói vê vô dư. Bà-sa bạch Phật: Thưa Cù-đàm, thế nào là nói về hữu du, chứ không phải nói về vô dư?

Phật bảo Bà-sa: Ví như lửa, có hữu dư thì mới có thể cháy, chứ không phải là vô dư.

Bà-sa bạch Phật:
-Tôi thấy lửa tuy vô dư mà cũng cháy vậy.
Phật bảo Bà-sa:
Thế nào là lửa tuy vô dư mà cũng cháy?
Bà-sa bạch Phật: -Ví như có một đông lửa lớn bị một cơn gió mạnh thôi qua, làm lửa bay lên không trung, đó há chẳng phải là lửa vô dư35 36 sao? Phật bảo Bà-sa: Lửa bị gió thoi bay lên vẫn là hữu du, chứ chẳng phải vô dư.

Bà-sa bạch Phật: -Thưa Cù-đàm, lửa đã bay trong không trung vì sao mà gọi là hữu dư? Phật bảo Bà-sa: -Lửa bay trong không trung nương gió mà trụ, nương gió mà cháy. Vì nương vào gió nên nói là hữu dư. Bà-sa bạch Phật: Vì sao nói chúng sanh qua đời ở nơi này, nương ý sanh thân rồi sanh vào nơi khác là hữu dư? Phật bảo Bà-sa: Chúng sanh qua đời ở nơi này, nương ý sanh thân, sanh vào nơi khác là vì lúc ấy có tâm ái nên có chấp thủ, vì có tâm ái nên có bám trụ, thế nên nói là hữu dư. Bà-sa bạch Phật: Chúng sanh vì ưa thích nên còn hữu du, vì nhiễm đắm nên còn hữu dư. Chỉ có Thế Tôn mới đạt đến vô dư này mà thành Đẳng Chánh Giác. Thưa Samôn Cù-đàm! Thế gian nhiều duyên sự, con xin phép được cáo từ. Phật bảo Bà-sa:

35 Ý sanh thân manomayā kāyā: Thân do ý hóa sanh. 36 Vô dư ở đây là chỉ không có nhiên liệu.

-Nên biết đúng lúc! Tu sĩ Bà-sa nghe lời Phật dạy đã hoan hỷ và tùy hỷ rồi đứng dậy ra về. *** 958. TÔN GIẢ MỤC-KIỀN-LIÊN37 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng ở tại trú xứ này. Lúc ấy, có tu sĩ ngoại đạo dòng Bà-sa đi đến chỗ Tôn giả Đại Mục-kiền- liên. Sau khi hai bên ân cần chào hỏi xong, ông ngồi sang một bên và thưa với Tôn giả Đại Mục-kiền-liên: -Tôi có điều muốn hỏi, không biết Tôn giả có thời gian để giải đáp cho chăng? Tôn giả Mục-kiền-liên nói: Bà-sa! Tùy theo điều ông muốn hỏi, nếu biết tôi sẽ trả lời. Lúc ấy, tu sĩ Bà-sa hỏi Tôn giả: Do nhân gì, duyên gì mà khi có người đến hỏi các Sa-môn, Bà-la-môn những vấn đề: "Sau khi chết, Như Lai

có tồn tại hay không tồn tại? Sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại? Sau khi chết, Như Lai chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn mi?" thi họ đều theo đó mà trả lời. Trong khi đó, có người đến hỏi Sa-môn Cù-đàm: "Sau khi chết, Như Lai có tồn tại hay không tồn tại? Sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại? Sau khi chết, Như Lai chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn t@i?" thì Ngài nói "điều này không thể khẳng dinh." Tôn giả Mục-kiền-liên nói: Này Bà-sa! Vì các Sa-môn, Bà-la-môn khác không biết như thật về sắc, không biết như thật sự tập khởi của sắc, không biết như thật về sự diệt tận của sắc, không biết như thật vị ngọt của sắc, không biết như thật về tai hại của sắc, không biết như thật về sự thoát ly sắc nên mới chấp trước những vấn đề: "Sau khi chết Như Lai có tồn tại hay không tồn tại; hoặc sau khi chết, Như Lai vừa tôn tại vừa không tôn tại, chăng phải tôn tại chăng phải không tôn tại." Vì không biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức... và không biết như thật về sự tập khởi của thức, không biết như thật về sự diệt tận của thức, không biết như thật vị ngọt của thức, không biết như thật về tai hại của thức, không biết như thật về sự thoát ly thức nên mới chấp trước đối với việc: "Sau khi chết Như Lai có tồn tại hay không tồn tại; hoặc sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại, chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn tại."

37 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp. 0.02.0099.958.0244bl0). Tham chiếu: Biệt Tạp.(02. 0100.191. Ò443bl2); s. 44.7 - IV. 391.

Còn Như Lai đã biết như thật về sắc, biết như thật về sự tập khởi của sắc, biết như thật về sự diệt tận của sắc, biết như thật vị ngọt của sắc, biết như thật sự tai hại của sắc, biết như thật về sự thoát ly sắc. Vì biết như thật nên không sanh chấp trước đối với việc: "Sau khi chết Như Lai có tồn tại hay không tồn tại; hoặc sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại, chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn tại?5 Vì Như Lai đã biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức... biết như thật về sự tập khởi của thức, biết như thật về sự diệt tận của thức, biết như thật vị ngọt của thức, biết như thật sự tai hại của thức, biết như thật về sự thoát ly thức. Vì biết như thật nên không còn chấp trước đối với việc: "Sau khi chết Như Lai có tồn tại hay không tồn tại; hoặc sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại, •9 9 9• 1 1 A e . . chăng phải tôn tại chăng phải không tôn tại." Này Bà-sa! Do nhân như vậy, duyên như vậy, nên khi có người đến hỏi các Sa-môn, Bà-la-môn khác về những vấn đề: “Sau khi chết Như Lai có tồn tại hay không tôn tại; hoặc sau khi chét, Như Lai vừa tôn tại vừa không tôn tại, chăng phải tồn tại chẳng phải không tồn t@i" thì họ liền dự ký cho người kia. Cũng do nhân như vậy, duyên như vậy, nên khi có người đến hỏi Như Lai về những vấn đề: "Sau khi chết Như Lai có tồn tại hay không tồn tại; hoặc sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại, chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn tại" thi Như Lai không dự ký cho người kia. Tu sĩ Bà-sa nghe lời Tôn giả Đại Mục-kiền-liên dạy xong liền hoan hỷ và tùy hỷ rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. ***

959. SĂN-ĐÀ CA-CHIÊN-DIÊN38 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có tu sĩ ngoại đạo dòng

Bà-sa đến chỗ Phật, chắp tay chào hỏi xong, ông ngồi sang một bên và bạch: Do nhân gì, duyên gì, nên khi có người đến hỏi các Sa-môn, Bà-la-môn vấn đề... (nói đầy đủ như trên). Bấy giờ, tu sĩ Bà-sa liền khen ngợi: -Thật kỳ lạ thay! Thưa Cù-đàm! Giữa Đại sư và đệ tử có sự tương đồng về nghĩa, có sự tương đồng về câu, có sự tương đồng về văn tự, cho đen tương đồng về đệ nhất nghĩa.39

38 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.959. 0244c13). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r02. 010Ò.192. Ò443c04j; Biệt Tạp.(r.02. 0100.193. 0444a05); s. 44.8 . IV. 395; s. 44.il IV. 401. 39 Đệ nhất nghĩa ()cũng gọi là chân đế, sự thật, thật tướng, chân như...

Thưa Cù-đàm! Hôm nay, tôi có đến chỗ Đại Mục-kiền-liên và cũng hỏi Tôn giả vấn đề này với ý nghĩa như thế, câu như thế, văn tự như thế. Tôn giả trả lời cho tôi cũng với ý nghĩa như thế, với câu như thê, với văn tự như thê, giông như những gì Cù-đàm đã nói hôm nay. Thế nên, thưa Cù-đàm! Thật là kỳ đặc, giữa Đại sư và đệ tử có sự tương đồng về nghĩa, có sự tương đồng về câu, có sự tương đồng về văn tự, cho đến tương đồng về đệ nhất nghĩa. Bấy giờ, tu sĩ Bà-sa lại có [một] số việc phải đến thôn Na-lê.40 Thu xếp công việc xong, ông đi đến chỗ Tôn giả Săn-đà Ca-chiên-diên.41 Sau khi hai bên ân cần chào hỏi rồi, ông ngồi sang một bên và hỏi Săn-đà Ca-chiên-diên: -Thưa Tôn giả! Do nhân gì, duyên gì5 khi có người đến hỏi Sa-môn Cù- đàm về những vấn đề: "Sau khi chết Như Lai có tồn tại hay không tồn tại; hoặc sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại, chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn tại" thì Cù-đàm đều không xác định cho họ? Săn-đà Ca-chiên-diên nói với Bà-sa: Bây giờ, tôi hỏi ông, hãy tùy ý mà trả lời. Ý ông thế nào? Do nhân gì, duyên gì mà nói các hành này là sắc, là chẳng phải sắc, là có tưởng, là không có tưởng, là chẳng phải tưởng chẳng phải không tưởng? Nêu nhân kia, duyên kia, hành kia đã diệt sạch hoàn toàn, không còn sót thì Như Lai có nên xác định cho họ: "Sau khi chết Như Lai có tồn tại hay không tồn tại; hoặc sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại, chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn tại" chăng? Tu sĩ Bà-sa đáp: Nêu do nhân ây, hoặc duyên ây mà nói các hành này là sác, là chăng phải sắc, là có tưởng, là chẳng có tưởng, là chẳng phải tưởng chẳng phải không tưởng. Nếu nhân kia, duyên kia, hành kia đã diệt sạch hoàn toàn không còn sót thì làm sao Cù-đàm có thể xác định cho họ: "Sau khi chết Như Lai có tồn tại hay không tồn tại; hoặc sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại, 9 "ị 9 • À 9 7*11 /X e . chăng phải tôn tại chăng phải không tôn t@i" được. Săn-đà Ca-chiên-diên bảo Bà-sa: Do nhân này, duyên này nên khi có người đến hỏi Như Lai: "Sau khi chết Như Lai có ton tại hay không tồn tại; hoặc sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại, chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn tại" thi Như Lai không xác định cho họ. Tu sĩ Bà-sa lại hỏi Săn-đà Ca-chiên-diên: Ngài làm đệ tử Sa-môn Cù-đàm đã bao lâu rồi?

40 Na-lê ,Nātikā. 41 Săn-đà Ca-chiendi6ii Sabhiya Kaccāna.

Săn-đà Ca-chiên-diên đáp: Tôi xuất gia tu Phạm hạnh trong Giáo pháp và Giới luật chỉ mới hơn ba năm.

Tu sĩ Bà-sa nói: -Tôn giả Săn-đà Ca-chiên-diên! Ngài được thiện lợi quá nhanh! Mới xuất gia chỉ một thời gian ngắn mà thân và miệng đã khế hợp luật nghi, lại còn đạt được trí tuệ biện tài như vậy. Khi tu sĩ Bà-sa nghe Tôn giả Săn-đà Ca-chiên-diên nói xong, đã hoan hỷ và tùy hỷ rồi đứng dậy ra về. ***

960. THẬT LÀ HIẾM có42 Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có tu sĩ ngoại đạo dòng Bà-sa đến chỗ Phật, chắp tay chào hỏi xong, ông ngồi sang một bên và bạch: Thưa Cù-đàm! Tôi có điều muốn hỏi, không biết Ngài có thời gian để giải đáp cho chăng? Phật bảo tu sĩ Bà-sa: A ỉ Tùy theo điêu ông muôn hỏi, Ta sẽ vì ông mà nói! Tu sĩ Bà-sa bạch Phật: -Thưa Cu-đàm? vì nhân gì, duyên gì, khi có người đến hỏi: "Sau khi chết Như Lai có tồn tại, hay không tồn tại; hoặc sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại, chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn i”nhung Ngài đều không xác định cho họ? Phật bảo tu sĩ Bà-sa: (Đoạn này nội dung giống như phần đối đáp của Săn-đà Ca-chiên-dỉên ở kỉnh trên, cho đến) "sau khi chết chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn tại." Tu sĩ Bà-sa bạch Phật: Kỳ lạ thay! Thưa Cù-đàm! Giữa Đại sư và đệ tử có sự tương đồng về ý nghĩa, có sự tương đông vê câu, có sự tương đông vê văn tự, cho đên tương đong về đệ nhất nghĩa. Thưa Cù-đàm! Vừa rồi, tôi có vài việc phải đến thôn Na-lợi-già. Sau khi lo liệu công việc xong có ghé qua chỗ Sa-môn Ca-chiên-diên và đã hỏi Tôn giả về vấn đề này với ý nghĩa như thế, với câu như thế, với văn tự như thê. Tôn giả trả lời cho tôi cũng với ý nghĩa như thê, câu như thê, văn tự như thê, giống như những gì Cù-đàm đã nói hôm nay. Do đó, nên biết thật là kỳ đặc!

42 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.960. 0245a20). Tham chiếu: Biệt Tạp.(T.02. 0100.194. Ò444Ồ03).

Giữa thầy và đệ tử đều nói giống nhau cùng một ý nghĩa, cùng một câu, cùng một văn tự. Khi Bà-sa nghe Phật chỉ dạy, đã hoan hỷ và tùy hỷ rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. *** 961. THƯỜNG KIÊN VÀ ĐOẠN KIẾN4344 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà9 thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có vị tu sĩ thuộc dòng Bà-tha đi đến chỗ Phật, chắp tay thăm hỏi, thăm hỏi xong rồi ngồi sang một bên và bạch: Thế nào, thưa Cù-đàm? Có ngã chăng? Bấy giờ, Thế Tôn im lặng không đáp. Tu sĩ Bà-tha hỏi ba lần như vậy, nhưng Thế Tôn vẫn cứ im lặng. Bấy giờ, Bà-tha nghĩ thầm: "Ta đã hỏi Sa-môn Cù-đàm đến lần thứ ba mà không thấy Ngài ấy trả lời, vậy thôi ta nên trở về." LÚC ây, Tôn giảA-nan đang đứng phía sau câm quạt hâu Phật, liên thưa răng: Bạch Thế Tồn! Bà-tha đã ba lần thưa hỏi, vì sao Thế Tôn lại không trả lời? Như vậy chẳng phải làm cho Bà-tha tăng thêm nhận thức sai lầm, xấu ác rồi cho rằng: "Sa-m6n không thể đáp nổi câu hỏi của ta"? Đức Phật bảo Tôn giả A-nan: Nếu Ta đáp "c6 ngỗT sẽ làm tăng thêm nhận thức sai lầm sẵn có từ trước của ông ấy. Nếu Ta đáp "không có ngã,9 thì chẳng phải khiến cho những nghi hoặc trước đây của ông ấy càng

tăng thêm sao? Rồi cho rằng: "Trước đây có ngã, nhưng từ nay ngã bi đoạn diet." Nếu cho rằng "trước đây có ngâT thì đây là thường kiến,44 nếu cho rằng "từ nay ngã bị đoạn diet" thì đây là đoạn kiến.45 Như Lai đã lìa nhị biên, thuyết pháp trung đạo, nghĩa là, do cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi; tức do duyên vô minh nên có hành... (cho đen) sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não diệt. Đức Phật nói kinh này xong, Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. ***

43 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02.0099.961.0245ỒO9). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r 02.
0100.195. 0444C01); s. 44.10- IV 400.

44 Thường kiến (,sassatavādā).

45 Đoạn kiến (,ucchedavādā).

962. BÈN VỮNG NHƯ LÕI CÂY46 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có tu sĩ thuộc dòng Bà-tha đi đến chỗ Phật, ân cần thăm hỏi Thế Tôn, thăm hỏi xong rồi ngồi sang một bên và bạch: Thưa Cù-đàm! Thế nào, Cù-đàm có thấy như vầy và nói như vầy: "Thế gian là thường hằng, đây là chân thật, ngoài ra là hư vong" chăng? Đức Phật bảo Bà-tha: Ta không thấy như vầy và không nói như vầy: "Thế gian là thường hằng, đây là chân thật, ngoài ra là hư vong." Thế nào? Cù-đàm có thấy như vầy và nói như vầy: "Thế gian là vô thường, vừa thường vừa vô thường, chẳng phải thường chẳng phải vô thường; hữu biên, vô biên, vừa hữu biên vừa vô biên, chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên; mạng tức là thân, mạng khác thân khác; Như Lai tồn tại sau khi chết, Như Lai không tồn tại sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại sau khi chết, Như Lai chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn tại sau khi chết" chăng? Đức Phật bảo Bà-tha: Ta không thây như vây, không nói như vây: "Thê gian là vô thường... (cho đến) chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn tại sau khi chết.^, Bấy giờ, Bà-tha lại bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Trong những cái thấy đó? có điều gì sai lầm mà đối với tất cả chúng, Ngài đều không giải thích? Đức Phật bảo Bà-tha: Nếu thấy như vầy: "Thế gian là thường hằng, đây là chân thật, ngoài ra là hư vQng" thi đó là cái thấy sai lệch, cái thấy vọng tưởng, cái thấy vọng động, cái thấy ô nhiễm, cái thấy phiền não, là khổ đau, là chướng ngại, là não hại, là nóng bức. Bị trói buộc bởi những cái thấy đó khiến cho kẻ phàm phu mê muội thiếu hiêu biết sanh khởi sanh, già, bệnh, chét, lo, buôn, khô, não ở đời tương lai. Này Bà^tha! Nếu thấy như vầy: "Thế gian là vô thường, vừa thường vừa vô thường, chẳng phải thường chẳng phải vô thường; hữu biên, vô biên, vừa hữu biên vừa vô biên, chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên; mạng tức là thân, mạng khác thân khác; Như Lai tồn tại sau khi chết, Như Lai không tồn tại sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại sau khi chết, Như Lai chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn tại sau khi chết" thì đó là cái thấy sai lệch... (cho đến) khiến cho kẻ phàm phu mê muội thiếu hiểu biết sanh khởi sanh, già, bệnh, chết, lo? buồn, khô, não ở đời tương lai.

46 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.962.0245b26). Tham chiếu: Biệt Tạp.(7.02. 0100.196. Ò444c29); M. 72, Aggivaccha Sutta (Kinh dạy Vacchagotta về

lửa).

1036 KINH TẠPA-HÀM

Bà-tha lại bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Cái thấy của Ngài như thế nào?

Đức Phật bảo Bà-tha: Với mọi cái thấy, Như Lai đã [đoạn trừ] xong/7 Tuy nhiên, này Bà-tha! Khi Như Lai thấy thì đó là cái thấy: uĐay là Thánh đế về khổ, đay là Thánh đế về nguyên nhân của khổ, đây là Thánh đế về khổ diệt và Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt.y Biết như vậy va thấy như vậy rồi thì đối với tất cả kiến chấp, tất cả chấp thủ, tất cả sanh hữu, tất cả kiến chấp và trói buộc về ngã, ngã sở và ngã mạn tùy miên đều được đoạn trừ, tịch tinh, thanh lương, chân thật. Vi Tỳ- kheo đã được giải thoát khỏi những pháp đó thì nói "sanh"48 chẳng đúng mà nói "không sanh,4Ọ cũng không đúng. Bà-tha bạch Phật: - Thưa Cù-đàm! Vì sao nói "sanh" chẳng đúng? Đức Phật bảo Bà-tha: Ta nay hỏi ông, hãy tùy ý mà trả lời. Này Bà-tha! Như có người ở trước mặt ông đốt lửa, ông thấy lửa cháy chứ? Rồi lửa trước mặt ông bị tắt di, ông thầy lửa tắt chứ? Bà-tha bạch Phật: - Thưa Cù-đàm! Có thấy như thế. Đức Phật bảo Bà-tha: Nếu có người hỏi ông: "Ngọn lửa cháy lúc nãy nay ở đâu rồi? Nó đã về phương Đông, phương Tây, phương Nam hay phương Bắc?" Họ hỏi như vậy, ong sẽ trả lời the nào? Bà-tha bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Nếu có ai đến hỏi như vậy, con sẽ trả lời thế này: "Có người đốt lửa trước mặt tôi, do có củi và cỏ khô nên lửa cháy. Nếu người ấy không thêm củi nữa thì lửa sẽ tát han, không bùng cháy lại được. Nêu nói lửa ây đi về phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc thì không diing." Đức Phật bảo Bà-tha: Ta cũng nói như vậy. sắc đã đoạn, đã biết; thọ, tưởng, hành, thức đã đoạn, đã biết; đoạn tận gốc rễ của chúng như chặt đứt ngọn cây đa-la, không thể tái sanh nữa, ở đời tương lai vĩnh viễn chẳng thể sanh khởi trở lại. Nếu nói đã đi*

47 Nguyên tác: Như Lai sở kiến dĩ tất ().,Tham chiếu: Biệt Tạp./r.02. 0100.196. 0445ỒỌ8): Đôi với tát cả mọi cái thấy hữu ngã từ xa xưa đến nay đều đã được Như Lai, đấng Thế Tôn đoạn trừ, hoàn toàn không còn những cái thấy ấy (,).• 48 Nguyên tác: Sanh ().M. 72, Aggivaccha Sutta (Kỉnh dạy Vacchagotta về lửa): Upapajjati (Sanh khởi, hiển hiện, tái sanh). 49 Nguyen tác: Bất sanl").M. 72, Aggivaccha Sutta (Kinh dạy Vacchagotta về lửa): Na upapajjati (Khòng còn tái sanh). Theo nghĩa phát sanh^ liên hệ đến quan điểm 4tthường kiến" và'doạn kiễn^, của ngoại đạo, "bất sanh"()ở đây được hiêu như là sự thường hàng.

QUYỂN 34 1037

về phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc thì không đúng. Thật là sâu kín, rộng lớn, không thể đo lường tính đếm một khi đã được vĩnh viễn tịch diệt. Khi ấy, Bà-tha bạch Phật: Con xin được nói ví dụ. Đức Phật bảo Bà-tha: -Hãy biết đúng thời! Bà-tha bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Ví như ở gần thành phố hay thôn làng có một vùng đất tốt, nơi đó mọc lên rừng cây Kiên cố, trong rưng đó có một cội cây to lớn vững chắc, sanh trưởng đã vài ngàn năm nay. Ngày tháng dài lâu, cành lá cây ấy rụng rơi, vỏ cây khô mục, chỉ riêng lõi cây vẫn cứ vững chãi. Cũng vậy, thưa Cùđàm! Pháp và Luật của Như Lai dù cành nhánh và cọng lá có rơi rụng, nhưng riêng mỗi lõi cây thì luôn tồn tại

vững bền. Bây giờ, Bà-tha nghe Phật dạy xong, hoan hỷ và tùy hỷ roi đứng dậy ra đi.
***

963. KHÔNG BIẾT VÀ BIẾT50 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-dà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có vị tu sĩ thuộc dòng Bà-tha đi đến chỗ Phật, ân cần thăm hỏi Thế Tôn xong rồi ngồi sang một bên và bạch: Thưa Cù-đàm! Do không biêt rõ vê cái gì mà có người thây như vây và nói như vầy: "Thế gian là thường hằng, đây là chân thật, ngoài ra là hư vọng; thế gian là vô thường, vừa thường vừa vô thường, chẳng phải thường chẳng phải vô thường; hữu biên, vô biên, vừa hữu biên vừa vô biên, chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên; mạng tức là thân, mạng khác thân khác; Như Lai tồn tại sau khi chết, Như Lai không tồn tại sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại sau khi chét, Như Lai chăng phải tôn tại chăng phải không tôn tại sau khi chef? Đức Phật bảo Bà-tha: Do không biết rõ về sắc nên thấy như vầy và nói như vầy: :Thế gian là thường hằng, đây là chân thật, ngoài ra là hư vọng... (cho đên) chăng phải tôn tại chẳng phải không tồn tại sau khi chết." Do không biết rõ về thọ, tưởng, hành và thức nên thấy như vầy và nói như vầy: "Thế gian là thường hăng, đây là chân thật, ngoài ra là hư vọng... (cho đến) chẳng phải tồn tại chẳng phải không tôn tại sau khi chết."

50 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.963. 0246al8). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r 02. 0100.197. Ò445c09); s. 33.1 - III. 257; s. 33.2-3 - III. 258; s. 33.4-5 - III. 259.

Bà-tha bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Do biết rõ về pháp gì mà không thấy như vầy và không nói như vầy: "Thế gian là thường hằng, đây là chân thật, ngoài ra là hư vọng... (cho đếri) chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn tại sau khi chết?" Đức Phật bảo Bà-tha: -Do biết rõ về sắc nên không thấy như vầy và không nói như vầy: “hế gian là thường hằng, đây là chân thật, ngoài ra là hư vọng... (cho đen) chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn tại sau khi chết." Do biết thọ, tưởng, hành và thức nên không thấy như vầy và không nói như vầy: "Thế gian là thường hằng, đây là chân thật, ngoài ra là hư vọng... {cho đên) chăng phải tôn tại chăng phải không tồn tại sau khi chết." Giông như không biêt và biêt, cũng vậy, không thây và thây, không phân biệt và phân biệt, không đoạn và đoạn, không quán và quản, không xem xét và xem xét, không giác và giác. Đức Phật nói kinh này xong, Bà-tha nghe lời Phật dạy, hoan hỷ và tùy hỷ rồi đứng dậy ra đi.
***

964. NGOẠI ĐẠO BÀ-THA XUẤT GIA51 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà5 thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có vị tu sĩ thuộc dòng Bà-tha đi đến chỗ Phật, ân cần thăm hỏi Thế Tôn xong roi ngôi sang một bên và bạch: Thưa Cù-đàm! Con có điều muốn hỏi, không biết Ngài có thời gian để giải đáp cho chăng? Bay giơ, The Ton ngoi im lặng. Bà-tha hỏi hai lần, ba lần như thế nhưng đức Phật vẫn cứ ngồi im lặng. Nhân đó? Bà-tha bạch Phật: -Con với Cù-đàm vốn tùy thuận nhau, nay con có điều muốn hỏi, sao Ngài lại lặng yên như thế? Khi ấy, Thế Tôn nghĩ rằng: "Bà-tha này xưa nay ngay thẳng, không dua nịnh, không dối trá, khi hỏi như vậy

là do không biết, chứ chẳng phải muốn não loạn Như Lai. Bây giờ, Ta nên dùng Luật và Luận52 để giúp Bà-tha lãnh thọ?9 Nghĩ thế nên Phật bảo Bà-tha:

Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp,(2.0099.964. 0246Ò12). Tham chiếu: Biệt Tạp.(02. 0100.198. 0446a 11); M. 73, Mahãvaccha Sutta (Đại kinh Vaccagottà). 52 Nguyên tác: A-tỳ-đàm (,Abhidhammà), còn gọi là Đối pháp (),Đại pháp (),Vô tỷ pháp (),Hướng pháp (),Tháng pháp (\ Luận (W).

Ông cứ tùy ý hỏi, Ta sẽ giải thích!

Bà-tha bạch Phật: Thế nào, thưa Cù-đàm? Có pháp thiện và pháp bất thiện chăng?

Phật đáp:

-Có!

Bà-tha bạch Phật:

Xin Ngài nói về pháp thiện và pháp bất thiện để giúp con hiểu được!

Đức Phật bảo: -Nay Ta sẽ nói sơ lược cho ông về pháp thiện và pháp bất thiện. Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Này Bà-tha! Tham dục là pháp bất thiện; điều phục tham dục là pháp thiện. Sân hận, ngu si là pháp bất thiện; điều phục sân hận, ngu si là pháp thiện. Sát sanh là pháp bất thiện; từ bỏ sát sanh là pháp thiện. Trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói hai chiều, nói thô ác, nói thêu dệt, tham, sân và tà kiến đều là pháp bất thiện; không trộm cướp... (cho đến) chánh kiến đều là pháp thiện. Như vậy, này Bà-tha! Nay Ta đã nói ba pháp thiện và ba pháp bất thiện như trên. Nếu vi Thánh đệ tử đối với ba pháp thiện và ba pháp bát thiện ấy mà biết đúng như thật, đôi với mười pháp thiện và mười pháp bát thiện ở trên mà biết đúng như thật thì tham dục hoàn toàn diệt tận, sân hận, ngu si hoàn toàn diệt tận, tất cả hữu lậu diệt tận, được vô lậu, được tâm giải thoát, được tuệ giải thoát, ngay hiện đời tự biết, tự chứng: "Sụ* sanh của ta đã dứt, Phạm hạnh đã được thành tựu, việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh." Bà-tha bạch Phật: Có Tỳ-kheo nào ở trong Pháp và Luật này được sạch hết hữu lậu, thành tựu vô lậu, được tâm giải thoát... (cho đen) tự biết không còn tái sanh chăng? Đức Phật bảo Bà-tha: -Không chỉ một, hai, ba, cho đên năm trăm mà có rát nhiêu Tỳ-kheo ở trong Pháp và Luật này sạch hết các hữu lậu... (cho đến) tự biết không còn tái sanh. Bà-tha bạch Phật: Hãy gác chuyện về Tỳ-kheo lại! Thưa Cù-đàm! Có Tỳ-kheo-ni nào ở trong Pháp và Luật này sạch các hữu lậu... (cho đen) tự biết không còn tái sanh chăng? Đức Phật bảo Bà-tha: Không chỉ một, hai, ba, cho đến năm trăm mà có rất nhiều Tỳ-kheo-ni ở trong Pháp và Luật này sạch các hữu lậu... (cho đến) tự biết không còn tái sanh. Bà-tha bạch Phật: Hãy gác chuyện về Tỳ-kheo-ni lại! Thưa Cù-đàm! Có một mi-bà-tắc nào tu các Phạm hạnh, ở trong Pháp và Luật này thoát khỏi hoài nghi chăng?

Đức Phật bảo Bà-tha: Không chỉ một, hai, ba cho đến năm trăm ưu-bà-tắc mà có rất nhiều ưu- bà-tắc tu các Phạm hạnh, ở trong Pháp và Luật này đoạn năm hạ phân kiêt sử, đắc quả A-na-hàm, không còn tái sanh trở lại cõi đời này nữa. Bà-tha bạch Phật:

Hãy gác chuyện về ưu-bà-tắc lại! Thưa Cù-đàm! Có một ưu-bà-di nào ở trong Pháp và Luật này tu các Phạm hạnh, ở trong Pháp và Luật này thoát khỏi hoài nghi chăng? Đức Phật bảo Bà-tha: Không chỉ một, hai, ba cho đến năm trăm ưu-bà-di mà có rất nhiều ưu-bà- di ở trong Pháp và Luật này đoạn năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, đắc quả A-na-hàm, không tái sanh trở lại cõi đời này nữa. Bà-tha bạch Phật: Thôi, hãy gác chuyện về Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di tu tập Phạm hạnh lại! Thưa Cù-đàm! Có ưu-bà-tăc nào hưởng thụ năm dục mà ở trong Pháp và Luật này thoát khỏi hoài nghi chăng? Đức Phật bảo: Không chỉ một, hai, ba cho đến năm trăm mà có rất nhiều xru-bà-tắc sống cùng vợ con, trang sức hương hoa, nuôi dưỡng nô tỳ, vậy mà ở trong Pháp và Luật này vẫn có thể đoạn sạch ba kiết sử, ệiảm thiểu tham, sân, si, đắc quả Tư- đà-hàm, chỉ còn một lần qua lại thế gian roi vượt thoát khổ đau. Bà-tha bạch Phật: -Hãy gác chuyện về ưu-bà"tắc lại! Thưa Cù-đàm! Có ưu-bà-di nào tuy còn hưởng thụ năm dục, vậy mà ở trong Pháp và Luật này vẫn được thoát khỏi hoài nghi chăng? Đức Phật bảo Bà-tha: Không chỉ một, hai, ba, cho đến năm trăm mà có rất nhiều ưu-bà-di sống cùng gia đình, nuôi dưỡng con cái, thân cận năm dục, trang điểm hương hoa, vậy mà ở trong Pháp và Luật này vẫn đoạn sạch ba kiết sử, đác quả Tu-đà-hoàn5 không đọa nơi đường ác, nhất định hướng đến giác ngộ, bảy lần qua lại cõi trời, cõi người rồi sẽ vượt thoát khổ đau. Bà-tha bạch Phật: - Thưa Cù-đàm! Nếu Sa-môn Cù-đàm đã thành Chánh Đẳng Chánh Giác; các Tỳ-kheo? Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc9 ưu-bà-di tu Phạm hạnh và các ưubà-tắc, ưu-bà-di hưởng thụ năm dục ấy không được công đức như thế thì không hoàn hảo. Còn Sa-môn Cù-đàm đã thành Chánh Đẳng Chánh Giác; các Tỳ-kheo? Tỳ- kheo-ni, iru-bà-tắc, ưu-bà-di tu Phạm hạnh và các ưubàtắc, ưu-bà-di tuy thân cận năm dục ây nhung vẫn thành tựu công đức như thế thì thật là hoàn hảo! Thưa Cù-đàm! Nay con xin được nói ví dụ.

QUYỂN 34 1041

Đức Phật bảo Bà-tha: Ong cứ tùy ý mà nói! Bà-tha bạch Phật: Ví như trời mưa lớn, nước chảy xuống thành dòng. Pháp và Luật của Cù- đàm cũng như thế. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni? ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, hoặc người nam, hoặc người nữ thảy đều theo dòng xuôi về Niết-bàn, chảy về Niết-bàn. Kỳ diệu thay, Phật, Pháp, Tăng! Kỳ diệu thay, Pháp và Luật bình đẳng! Nếu tu sĩ ngoại đạo đi đến chỗ Cù-đàm, ở trong Giáo pháp và Giới luật cầu xin xuất gia, thọ giới Cụ túc thì bao lâu mới được phép xuất gia? Đức Phật bảo Bà-tha: Nêu có vị tu sĩ ngoại đạo muốn cầu xuất gia, thọ giới Cụ túc ở trong Giáo pháp và Giới luật thì cần trải qua bốn tháng nương theo Hòa thượng mà tập tu. Tuy nhiên, việc này cũng tùy theo tâm tánh của mỗi người mà tạm đặt ra thời hạn vậy thôi. Bà-tha bạch Phật: -Nêu tu sĩ ngoại đạo muôn đên câu xuất gia, thọ giới Cụ túc ở trong Pháp và Luật thì phải nương theo Hòa thượng tập tu đủ bốn tháng mới được phép xuất gia. Vậy, con nay chấp nhận nương theo Hòa thượng để tập tu suốt bốn tháng; nếu ở trong Giáo pháp và Giới luật mà được xuất gia, thọ giới Cụ túc thì con sẽ xuất gia, thọ giới Cụ túc, tu trì Phạm hạnh trong pháp của Cù-đàm. Đức Phật bảo Bà-tha: Chẳng phải Ta từng nói rang, tùy theo tâm tánh của mỗi người mà tạm đặt ra thời hạn đó sao? Bà-tha bạch Phật: Thưa Cù-đàm! Đúng vậy. LÚC áy, The Tôn bao các Tỳ-kheo: Các thầy hãy độ tu sĩ ngoại đạo dòng Bà-tha kia được xuất gia, ở trong Giáo pháp và Giới luật thọ giới Cụ

túc. Ngay đây, tu sĩ ngoại đạo họ Bà-tha liền được ở trong Giáo pháp và Giới luật xuất gia, thọ giới Cụ túc, trở thành Tỳ-kheo. Trải qua nửa tháng ở trong Chánh pháp của Như Lai, Bà-tha được học những điều nên biết, nên phân biệt, nên thấy, nên đắc, nên ngộ, nên chứng và đối với những điều ấy, Bà-tha đều biết, đều phân biệt, đều thấy, đều đắc, đều ngộ, đều chứng. Bấy giờ, Tôn giả Bà-tha thầm nghĩ: “Ta nay đã học những điều nên biết, nen phân biệt, nên thấy, nên đắc, nên ngộ, nên chứng; tất cả ta đều biết, đều thấy, đều đắc, đều ngộ, đều chứng. Bây giờ, ta nên đến gặp Thế T6n." Thế rồi Bà-tha đến chỗ Thế Tôn, cung kính lạy sát chân Ngài rồi đứng sang một bên và thưa:

Bạch Thế Tôn! ở trong Chánh pháp Thế Tôn, con đã học những điều nen biết, nên phân biệt, nên thấy, nên đắc, nên ngộ, nên chứng và tất cả những điều ấy con đều đã biết, đã phân biệt, đã thấy, đã đắc, đã ngộ, đã chứng rồi. Cúi xin Thế Tôn thuyết pháp cho con, sau khi nghe pháp, con sẽ một mình ở chỗ thanh vắng, chuyên tâm tư duy, sống không buông lung, tư duy về lý do khiến người thiện nam cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa? với niềm tin chân chánh, xuất gia học đạo... (cho đến) tự biết không còn tái sanh. Đức Phật bảo Bà-tha: -Có hai pháp cần phải tu tập và tu tập thuần thục, đó là chỉ và quán. Hai pháp này nếu tu tập, tu tập thuần thục sẽ biết được quả báo của các cõi, hiểu rõ các cõi ấy, biết được các cõi giới sai biệt, hiểu được các cõi giới sai biệt. Như vậy, này Tỳ-kheo! Muốn cầu ly dục, ly ác, bất thiện pháp... (cho đến) an trụ trọn vẹn Thiền thứ tư, tâm đầy ắp Từ, Bi, Hỷ, Xả, thể nhập Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ khiến ba kiết sử của mình hết sạch, chứng quả Tu-đà-hoàn; ba kiết sử hết sạch, tham, sân, si mỏng dân, chứng quả Tư-đà-hàm; năm hạ phân kiêt sử hét sạch, chứng quả A-na-hàm; chứng được các cảnh giới thần thông như Thiên nhãn, Thiên nhi, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Sanh tử trí, Lậu tận trí, hết thảy đều chứng đạt được. Thê nên này Tỳ-kheo, hãy tu hai pháp, tu tập và tu tập thuân thục hai pháp ây sẽ biêt được các cõi giới sai biệt... (cho đên) chứng được các cảnh giới thần thông như Thiên nhãn, Thiên nhi, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Sanh tử trí và Lậu tận trí. Bấy giờ, Tôn giả Bà-tha nghe Phật dạy xong liền hoan hỷ đảnh lễ rồi ra đi. Ve sau, Tôn giả Bà-tha sống một mình ở chỗ thanh vắng, chuyên tâm tư duy, sống không buông lung... (cho đến) tự biết không còn tái sanh. Bấy giờ, có nhiều Tỳ-kheo trang nghiêm phương tiện, muốn đến chỗ Thế Tôn cung kính cúng dường. Bà-tha liền hỏi các Tỳ-kheo: Các thầy trang nghiêm phương tiện là muốn đến chỗ Thế Tôn cung kính cúng dường chăng? Các Tỳ-kheo đáp: Đúng vậy! Bấy giờ, Bà-tha nói với các Tỳ-kheo: Tôn giả cho con gởi lời kính lễ, thăm hỏi Thế Tôn: "Đi đứng thuận tiện, ít bệnh, ít não, sống được an ổn chang?" Và thưa với Thế Tôn rằng: "Tỵ-kheo Bà-tha kính bạch Thế Tôn: Con đã cúng dường Thế Tôn, phụng sự đầy đủ, khiên Ngài hài lòng chứ chẳng phải không hài lòng. Những gì mà đệ tử của Đại sư cân làm, con đã làm xong, xin cúng dường Đại su, khiến Ngài hài lòng chứ chẳng phải không hài long?9

Rồi các Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn! Tôn giả Bà-tha kính lễ, thăm hỏi Thế Tôn... (cho đến) hài lòng chứ chẳng

phải không hài lòng. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Chư thiên đã nói trước với Ta rồi, nay các thầy nói lại lần nữa. Như Lai thành tựu tri kiến bậc nhất, cũng như Tỳ-kheo Bà-tha có đức độ và năng lực như thế. Lúc ấy, Thế Tôn thọ ký cho Tỳ-kheo Bà-tha thành bậc A-la-hán.53 Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 965. TÔN GIẢ UẤT-ĐÊ-CA54 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có tu sĩ ngoại đạo tên uất-đê-ca55 đi đến chỗ Phật, ân cần thăm hỏi Phật xong rồi ngồi sang một bên và bạch: -Thế nào, thưa Cù-đàm? Thế gian là hữu biên chăng? Đức Phật bảo: Không cần giải thích về điều này.56 uất-đê-ca lại bạch Phật: -Thế nào, thưa Cù-đàm? Thế gian là vô biên chăng? Vừa hữu biên vừa vô biên chăng? Chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên chăng? Đức Phật bảo uất-đê-ca: -Không cân giải thích vê điêu này. uất-đê-ca bạch Phật: Thế nào, Cù-đàm? Con hỏi: "Thế gian là hữu biên chng?" Ngài đáp: "Không cần phải giải thích.” Con hỏi: "Thế gian là vô biên, vừa hữu biên vừa vô biên, chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên chăng?95 Ngài đều đáp:

53 Nguyên tác: Thọ đệ nhất ký ().Xem chú thích 66, kinh số 302, quyển 12, tr. 362; Tạp. (T.0099.302. 0086a04). 54 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.965. 0247c14). Tham chiếu: Biệt Tạp.(r02. 0100.199. Ò447bl9);^. 10.95-V. 193. 55 uất-đê-ca (,Uttiya). 56 Tham chiếu: Biệt Tạp.(T.02. 0100.199. 0447b22): Những câu hỏi như vậy, Ta không trả lời ngay tư đau pe o

"Không cần phải giải thích." Thế thì, đối với những pháp nào thì Cù-đàm mới có thể giải thích? Đức Phật bảo: -Với thắng trí57 của bậc Thông tuệ58 Ta vì các đệ tử mà giảng dạy về con đường, khiến họ diệt sạch các kho, vượt thoát kho đau. uất-đê-ca bạch Phật: Thế nào, thưa Cù-đàm? Ngài vì các đệ tử mà giảng dạy về con đường, khiến họ diệt sạch các khổ, vượt thoát khổ đau ư? Thế thì, tất cả thế gian đều phải nhờ vào con đường này mới được thoát khổ, hay chỉ có một số ít thôi? Khi ấy, Thế Tôn im lặng không đáp. uất-đê-ca hỏi đến ba lần, đức Phật vẫn im lặng. Bấy giờ, Tôn giả A-nan đang đứng phía sau cầm quạt hầu Phật, liền nói với tu sĩ ngoại đạo Uất-đê-ca: Trước đây ông đã hỏi nghĩa này, nay lại hỏi khác đi nên Thế Tôn không giải đáp. Này uất-đê-ca! Tôi sẽ vì ông nói ví dụ, người trí nhờ ví dụ mà hiểu được nghĩa. Ví như nhà vua có thành lũy ở biên cương, bốn bề được bao bọc kiên cố? đường sá bằng phẳng và chỉ có một cổng ra vào. Đứng canh giữ cổng thành là một người thông minh sáng suốt, khéo biết xét đoán; bên ngoài có ai đến, đáng cho vào thì người ấy cho vào, không đáng cho vào thì người ấy không cho vào. Khắp hết vòng thành, muốn tìm ra cổng thứ hai cũng không thể được. Chẳng có một lỗ nhỏ cho chó mèo lọt vào, huống gì là cổng thứ hai! Người gác cổng ấy không thể biết rõ ai ra, ai vào, nhưng người ấy biết chắc chắn rằng mọi người khi ra, vào thành thì chỉ có the đi qua cong này, chẳng còn chỗ nào khác! Cũng vậy, Thế Tôn tuy không dụng tâm để biết rõ tất cả chung sanh ở thế gian hay chỉ một phần nhỏ nhờ vào con đường này mà thoát khổ, nhưng Ngài biết rõ chúng sanh muốn diệt sạch các khổ, vượt thoát khổ đau thì tất cả đều nhờ vào con đường này mới được như thế. Bấy giờ, ngoại đạo xuất gia Uất-đê-ca nghe Phật dạy xong liền hoan hỷ

và tùy hỷ rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi. ***

966. TÔN GIẢ PHÚ-LÂN-NI59 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá.

57 Nguyên tác: Trí (abhiññā)'. Trí hiểu biết toàn diện, thắng trí. 58 Nguyên tác: Tri (n): Sự hiểu biết rõ ràng, thuần thục (pañcca).Tham chiếu: Biệt Tạp.(T.02. 0100.199. 0447b25): Đôi với các pháp Ta đã khéo biết tường tận (í Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.966. 0248al5). Tham chiếu:B/é/ Tạp.(r 02. 0100.200. 0447c17); A. 882 - IV. 337; A. 10.83 - V. 154.

Khi ấy, có Tôn giả Phú-lân-ni60 đang ở núi Kỳ-xà quật, trong thành Vương Xá. Bấy giờ, có số đông tu sĩ ngoại đạo đi đến chỗ Tôn giả Phú-lân-ni, ân cần thăm hỏi nhau xong rồi ngồi sang một bên và hỏi: -Tôi nghe Sa-môn Cù-đàm chủ trương phá ngã và đoạn diệt ngã.6162 Cù- đàm có truyền dạy như vậy chăng? Nay xin hỏi Tôn giả Phú-lân-ni9 việc ấy có đúng không? Phú-lân-ni nói với các tu sĩ ngoại đạo: Tôi không nghe Thế Tôn dạy chúng sanh phá ngã và đoạn diệt ngã như thế, khiến chẳng còn gì. Không thể có chuyện đó! Tôi nghe Thế Tôn dạy và đã hiểu như thế này: "C6 những chúng sanh chấp ngã, ngã mạn, tà mạn. Thế Tôn đã dạy họ đoạn diệt những thứ d6." Bây giờ, các tu sĩ ngoại đạo nghe Tôn giả Phú-lân-ni nói như vậy thì không được hài lòng, liền chỉ trích rồi bỏ đi. Sau khi các ngoại đạo đi rồi, Tôn giả Phú-lân-ni liền đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài roi ngôi sang một bên, đem những lời đã nói cùng các ngoại đạo thuật lại đầy đủ với Phật và hỏi: Bạch Thế Tôn! Con vừa trả lời với các ngoại đạo như thế là không hủy báng Thế Tôn chứ? Là nói đúng pháp, nói đúng lời Phật dạỵ? nói đúng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp,62 không bi các nhà luận nghị hiềm trách chăng? Đức Phật bảo Phú-lân-ni: Những điêu thây nói không hủy báng Như Lai, không mát thứ tự, đúng như Ta đã dạy, nói đúng theo pháp và thứ lớp của giáo pháp, không bị các nhà luận nghị hiềm trách. Vì sao như vậy? Này Phú-lân-ni! Trước đây các chúng sanh bị ngã mạn, tà mạn, tà mạn bức bách, tà mạn tập khởi. Do không tỏ ngộ về tà mạn63 nên bị rối mù như ruột chó, như vòng móc sắt, như đám cỏ rối, rong ruổi tới lui đời này đời khác, đời khác đời này vẫn cứ rong ruổi tới lui, không thể xa lìa. Phú-lân-ni! Tất cả chúng sanh nếu diệt sạch hoàn toàn tà mạn thì tất cả họ luôn được hân hoan an ổn. Đức Phật nói kinh này xong, Tỳ-kheo Phú-lân-ni nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. *** 60 Phú-lân-ni ,Punniya. 61 Nguyên tác: Đoạn diệt phá hoại hữu .Hữu & đây chỉ cho hữu ngã, tự ngã, chúng sanh attā. Tham chiếu: Biệt Tạp.r.02. 0100.200. 04£7c20: Sạ-môn Cù-đàm dạy đoạn diệt ngã, khiến chúng không thể thọ sanh .ơ đoạn kinh này, chúng ngoại đạo cho ràng đức Phật chủ trương uĐÒạn diệt luận^, Ucchedavādā. 62 Nguyên tác: Tùy thuận ph.Xem chú thích 68, kinh số 27, quyển l, tr. 24; Tạp.7.02. 0099.27. 0005C20.
63 Nguyên tác: Tà mạn bất vôgián đẳng .Tham chiếu: Biệt Tạp.r02. 0100.200. 0448al3: Bất tri nga mạn I

967. NGOẠI ĐẠO CÂU-CA-NA64 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, trời vừa hừng sáng, Tôn giả A-nan-đà đến bên bờ sông Tháp-bồ?65 cởi y để trên bờ? xuống nước rửa tay chân rồi trở lên bờ, mặc một y roi lau thân thể. Khi ấy, tu sĩ ngoại đạo Câu-ca-na66 cũng đến bên bờ sông. Tôn giả A-nanđà67 nghe có tiếng bước chân liền lên tiếng đằng hắng. Tu sĩ ngoại đạo Câu-cana nghe có tiếng người, liền hỏi: -Ngài là hạng người nào? Tôn giả A-nan-đà đáp: Là Sa-môn. Ngoại đạo Câu-ca-na hỏi: Là hàng Sa-môn nào? Tôn giả A-nan-đà đáp: -Sa-môn họ Thích. Ngoại đạo Câu-ca-na nói: Tôi có điều muốn hỏi, không biết Tôn giả có thời gian để giải đáp cho chăng?

Tôn giả A-nan-đà đáp:

-Ông cứ tùy ý mà hỏi, nếu biết tôi sẽ trả lời!

Câu-ca-na hỏi:

-Thế nào, Tôn giả, sau khi chết Như Lai còn tồn tại chăng?

Tôn giả A-nan-đà đáp:

Theo Thế Tôn dạy thì không cần giải thích về điều này.68

Lại hỏi: Sau khi chết Như Lai không tồn tại chăng? Vừa tồn tại vừa không tồn tại chăng? Chăng tôn tại chăng phải không tôn tại chăng? Tôn giả A-nan-đà đáp: -Theo Thế Tôn dạy thì không cần giải thích về điều này. Ngoại đạo Câu-ca-na nói: 64 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.02. 0099.967. 0248bll. Tham chiếu: Biệt Tạp.7.02. 0100.201. 0448a22; A. 10.96 - v. 196. 65 Tháp-bồ Tapodā, hồ nước nóng dưới chân ngon núi Vebhāra, bên ngoài thành Vương Xá Rājagaha, ở đây co một tinh xá thường gọi là ôn Tuyên tinh xá Tapodārāma. 66 Câu-ca-na Kokanuda: Vị du sĩ tu khổ hạnh chưa phân định học phái paribbājakā. 67 Bản Hán có lúc ghi là Tôn giả Anan ,có lúc lại ghi là Tôn giả A-nan-đà , bản dịch sử dụng thống nhất danh xưng Tôn giả A-nan-đà. ^Nguyên tác: Thử thị vô ký .Tham chiếu: Biệt Tạp.T.02. 0100.201. 0448b02: Thế Tôn không nói về điều này .

QUYỂN 34 1047

Thế nào, Tôn giả? Khi tôi hỏi: "Sau khi chết Như Lai tồn tại Chang?99 Ngài đáp "Không cần giải thích.,^ Tôi hỏi: uSau khi chết Như Lai không tồn tại, vừa tồn tại vừa không tồn tại, chẳng tồn tại chẳng phải không tồn tại chng?" Ngài đều đáp: "Không cần giải thích." Thế nào, thưa Tôn giả? Vì không biết, không thấy chăng? Tôn giả A-nan-đà đáp: Chẳng phải không biết, không thấy mà là biết hết và thấy hết.

Ngoại đạo Câu-ca-na lại hỏi: Biết thế nào và thấy thế nào?

Tôn giả A-nan-đà đáp: -Thấy chỗ có thể thấy, thấy chỗ sanh khởi, thấy chỗ đoạn dứt triền phược; đây là biết, đây là thấy. Tôi biết như thế và thấy như thế, tại sao nói rằng không biết, không thấy? Ngoại đạo Câu-ca-na lại hỏi: -Tôn giả tên gì? Tôn giả A-nan-đà đáp: -Tôi tên A-nan-đà. Ngoại đạo Câu-ca-na nói: Hay thay! Tôi được cùng luận nghi với đệ tử của bậc Đại sư! Nêu biêt đó là Tôn giả A-nan-đà, tôi đã không dám mở miệng tranh luận. Nói lời ấy xong, tu sĩ ngoại đạo Câu-ca-na liền bỏ đi. *** 968. CẤP CÔ ĐỘC THUYẾT PHÁP69 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong

rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ.* Bấy giờ? trưởng giả cấp Cô Độc mỗi ngày thường đến viếng thăm Thế Tôn, lễ kính cúng dường. Lần nọ, trưởng giả nghĩ thầm: "Hôm nay, ta đến quá sớm, có lẽ Thế Tôn và các Tỳ-kheo chưa xả thiền, vậy ta nên ghé qua trú xứ của các ngoại đạo trước?5 Thế rồi, trưởng giả đi vào tinh xá ngoại đạo, sau khi cùng các ngoại đạo ân cần thăm hỏi nhau xong, liền ngồi sang một bên. Khi ấy, có ngoại đạo hỏi: Trưởng giả! Ông thường thăm viếng Sa-môn Cù-đàm? vậy Cù-đàm thấy thế nào, thấy những gì?

69 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.968. 0248c06). Tham chiếu: Biệt Tạp.(02. 0100.202. 0448b18); A. 10.93 . v. 185.

Trưởng giả đáp: Tôi cũng chẳng biết Thế Tôn thấy thế nào, Thế Tôn thấy những gì.

Các ngoại đạo lại hỏi:
- Ông thường gặp gỡ chúng Tăng, vậy chúng Tăng thấy thế nào? Chúng
Tăng thấy những gì?
Trưởng giả đáp:
Tôi cũng chẳng biết chúng Tăng thấy thế nào, chúng Tăng thấy những gì.
Ngoại đạo lại hỏi: Trưởng giả! Nay ông tự thấy như thế nào? Tự thấy những gì?

Trưởng giả đáp: Các ông mỗi người hãy nói chỗ thấy của minh, rồi tôi sẽ nói chỗ thấy của tôi, cũng chẳng khó gì. Khi đó, có một ngoại đạo nói như vầy: Trưởng giả! Tôi thấy tất cả thế gian là thường hằng, đây là chân thật, ngoài ra đều hư vọng. Lại có người nói: Ỵ Trưởng giả! Tôi thấy tất cả thế gian là vô thường, đây là chân thật, ngoài ra đều hư vọng. Lại có người nói: Trưởng giả! Thế gian vừa thường vừa vô thường, đây là chân thật, ngoài ra đều hư vọng. Lại có người nói: Thế gian chẳng phải thường chẳng phải vô thường, đây là chân thật, ngoài ra đều hư vọng. Lại có người nói: Thế gian là hữu biên, đây là chân thật, ngoài ra đều hư vọng.

Lại có người nói: Thế gian là vô biên, đây là chân thật, ngoài ra đều hư vọng.

Lại có người nói:
-Thế gian vừa hữu biên vừa vô biên.
Lại có người nói:
Thế gian chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên.
Lại có người nói:
Mạng tức là thân.
Lại có người nói:
Mạng khác thân khác.

Lại có người nói:
- Sau khi chết Như Lai tồn tại.
Lại có người nói:

Sau khi chết Như Lai không tồn tại.
Lại có người nói: Sau khi chết Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại.

Lại có người nói: Sau khi chết Như Lai chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn tại, đây là chân thật, ngoài ra đều hư vọng. Rồi các ngoại đạo bảo trưởng giả: Chúng tôi mỗi người đều nói chỗ thấy của mình rồi, vậy ông hãy nói chỗ thấy của ông! Trưởng giả đáp: Cái thây của tôi là vê những gì được tôn tại, được tạo tác, được suy tư đêu do duyên sanh khởi.70 Nếu những gì được tồn tại, được tạo tác, được suy tư đêu do duyên sanh khởi thì những pháp đó là vô thường. Những gì vô thường thì khổ. Biết như vậy rồi nên đối với tất cả cái thấy đều không nên bám víu vào đó. Như với cái thấy của các ông: "Thế gian là thường hằng, đây là chân thật, ngoài ra đều hư vọng95, so với cái thấy này: "Những gì được tồn tại, được tạo tác, được suy tư đều do duyên sanh khởi. Nếu như những gì được tồn tại, được tạo tác, được suy tư đêu do duyên sanh khởi thì những pháp đó [là] vô thường. Những gì vô thuơng thì kh6"; nên các ông phải thân cận với khổ, chỉ thuần có khổ, bám trụ nơi khổ, chìm sâu trong khổ. Cũng vậy, khi các ông nói: "Thế gian là vô thường, đây là chân thật, ngoài ra đều hư vgg" thi cũng mắc lỗi như thế. Nếu nói: "Thế gian vừa thường vừa vô thường, chẳng phải thường chẳng phải vô thường; the gian hữu biên, the gian vô biên, the gian vừa hữu biên vừa vô biên, thê gian chăng phải hữu biên chăng phải vô biên; mạng tức là thân, mạng khác thân khác; Như Lai tôn tại sau khi chét, Như Lai không tôn tại sau khi chết, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại sau khi chết, Như Lai chẳng phải tồn tại chẳng phải không tồn tại sau khi chết, đây là chân thật, ngoài ra đều hư vọng,5, cũng đều mắc lỗi như trên. Lúc ấy, có một ngoại đạo nói với cấp Cô Độc: Như ông đã nói, nếu có cái thấy gì thì cái thấy đó được tồn tại, được tạo tác, được suy tư đều do duyên sanh khởi thì những pháp đó vô thường. Những

70 Nguyên tác: Chân thật hữu vi tư lượng duyên khởi .Trong đó, phân thật" được dịch từ bhūtā, vùỉa có nghĩa là chan thật vừa co nghĩa là, tất cả chúng sanh, tồn tại, sanh vật. Tham chiếu: Biệt Tạp.T.02. 0100.202. 0448c 10: Theo cái thấy của Ta, tát cả chung sanh đều do o tá% do các nhân duyên hòa hợp để hình thành, gọi là nhân duyên, tức là tạo tác vậy ,_ ì.,.

gì VÔ thuơng thì khổ. Thế thì, cái thấy của tnrởng giả cũng thân cận với khổ, bám nơi khổ, trụ nơi khô, chìm sâu trong khô vậy. Trưởng giả đáp: ở trước, chẳng phải đã nói cái thấy của tôi là về những gì được tồn tại, được tạo tác, được suy tư đều do duyên sanh khởi nên hết thảy chúng đêu vô thường, mà đã vô thường thì khổ. Đã biết khổ rồi, làm sao tôi có thể bám víu vào cái thấy đó? Các ngoại đạo nói: -Đúng như thế, trưởng giả! Bây giờ, tại tinh xá của ngoại đạo, trưởng giả Cáp Cô Độc nhiêp phục luận thuyết của họ, kiến lập chánh luận của mình. Sau khi ở giữa chúng ngoại đạo rống lên tiếng rống của sư tử rồi, trưởng giả liền đi đến chỗ Phật, lạy sát chan Ngài rồi ng8i sang một bên và đem cuộc đàm luận cùng ngoại đạo thuật lại đây đu vơi The Ton. Đức Phật bảo trưởng giả cấp Cô Độc: Lành thay! Lành thay! Hãy đúng lúc mà nhiêp phục các ngoại đạo si mê, kiến lập chánh luận. Đức Phật nói lời ấy xong, trưởng giả cấp Cô Độc liền

hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra. ***

969. TRƯỜNG TRẢO XUẤT GIA71 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có tu sĩ ngoại đạo tên là Trường Trảo72 đi đến chỗ Phật, sau khi ân cân thăm hỏi Thê Tôn xong liên ngồi sang một bên rồi bạch: -Thưa Cù-đàm! Tôi không chấp nhận mọi quan điểm.73 Đức Phật bảo Hỏa Chủng:74 Ong nói răng: "Tôi không châp nhận mọi quan điêm9\ vậy quan diêm này của ông, ông cũng không chấp nhận luôn chăng? Ngoại đạo Trường Trảo nói: Lúc nãy tôi đã nói "không chấp nhận mọi quan điểm" thì quan điểm này của tôi, tôi cũng không chấp nhận.

nTựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02.0099.969. 0249a29). Tham chiếu: Biệt Tạp.(7.02. 0100.203. 0449a04); M. 74, Dĩghanakha Sutta (Kinh Trường Trảo). 72 Trường Trảo (Dīghanakha): Người để móng tay dài. 7 Nguyên tác: Nhất thiết kiến bất nhẫn (_sabbam me na khamatī)'. Tôi không chấp nhận tát cả. Quan diêm của chủ nghĩa hoài nghi, một trong 6 phái ngoại đạo. J 74 Hỏa Chủng (,Aggivessana). Theo DPPN, Aggivessana là tên riêng của một dòng họ Bà-la-môn, vì tôn trọng Trường Trảo nên đức Phật chỉ dùng tên dòng họ mà không gọi tên riêng.

QUYỂN 34 1051

Đức Phật bảo Hỏa Chủng: -Biết như thế, thấy như thế rồi thì quan điểm này đã được đoạn, đã được xả, đã được lìa và những quan điểm khác chẳng còn tương tục, chẳng khởi, chẳng sanh. Này Hỏa Chủng! Nhiều người cũng có quan điểm như ông, nhiều người cũng thấy như vậy, cũng nói như vậy, ông cũng giống như họ mà thôi. Này Hỏa Chủng! Nếu Sa-môn9 Bà-la-môn chịu xả bỏ các quan điểm của mình và các quan điểm khác không sanh thì những Sa-môn, Bà-la-môn này rất ít có ở the gian. Này Hỏa Chủng! Có ba quan điểm. Là ba quan điểm nào? Thứ nhất, có người thấy như vầy, nói như vầy: "Tôi chấp nhận tất cả Thứ hai, lại có người thấy như vầy? nói như vầy: "Tôi không chấp nhận tất cả?5 Thứ ba, lại có người thấy như vầy, nói như vầy: "T6i chấp nhận một phần, không chấp nhận một phần.55 Này Hỏa Chủng! Nêu nói “chập nhận tát cả" thì quan diêm này cùng sanh với tham, chăng phải không tham; cùng sanh với sân, chăng phải không sân; cùng sanh với si, chẳng phải không si; ràng buộc, chẳng lìa ràng buộc, phiền não, chẳng thanh tịnh, ưa chấp thủ, sanh nhiễm trước. Nếu thấy như vầy: "Tôi không chấp nhận tất cả95 thì quan điểm này không cùng sanh với tham, với sân, với si; thanh tịnh, không phiền não, lìa ràng buộc, không vướng víu, không ưa chấp thủ, không sanh nhiễm trước. Này Hỏa Chủng! Nếu thấy như vầy: "Ta chấp nhận một phần, không chấp nhận một phân,, thì phân người đó châp nhận sẽ có tham... (cho đên) sanh nhiêm trước; phàn không chấp nhận sẽ lìa tham... (cho đến) không sanh nhiễm trước. Vi Thánh đệ tử đa văn nên học thế này: “Nếu ta thấy như vầy, nói như vầy: 'Ta chấp nhận tất cả9 sẽ bị hai hạng người chỉ trích rồi bị gạn hỏi. Là hai hạng người nào? Đó là hạng người 'không chấp nhận tất cả9 và hạng người 'chấp nhận một phần, không chấp nhận một phần/ Bị hai hạng người trên chỉ trích, chỉ trích rồi thì gạn hỏi, gạn hỏi rồi thì đả phá. Do quan điểm bị chỉ trích, bị gạn hỏi, bị đả phá nên phải xả bỏ quan diêm d6, các quan diêm khác lại không sanh nữa. Như vậy là đoạn quan điểm, xả quan điểm, lìa

quan điểm, các quan điểm khác không còn tương tục, không khởi, không sanh nữa. Vi Thánh đệ tử đa văn nên học thế này: “Nấu ta thấy như vầy, nói như vầy: 'Ta không chấp nhận tất c'sẽ bi hai hạng người chỉ trích, gạn hỏi. Là hai hạng người nào? Đó là hạng người 'chấp nhận tất cả' và hạng người 'chấp nhận một phần, không chấp nhận một phần.5 Bị hai hạng người trên chỉ trích, chỉ trích rồi thì gạn h6i." (cho đến) không còn tương tục, không khởi, không sanh nữa. Vi Thánh đệ tử đa văn nên học thế này: "Nếu ta thấy như vầy, nói như vầy: 'Ta chấp nhận phần này, không chấp nhận phần kia' sẽ bi hai hạng người chỉ

trích, gạn hỏi. Là hai hạng người nào? Đó là hạng người 'chấp nhận tất cả9 và hạng người 'không chấp nhận tất cả/ Bị hai hạng người trên chỉ trích, chỉ trích rồi thì gạn hỏi... ” (cho đến) không còn tương tục, không khởi, không sanh. Lại nữa, Hỏa Chủng! sắc thân này do bốn đại thô phù tạo thành, vi Thánh đệ tử nên quán vô thường, quán sanh diệt, quán lìa dục, quán diệt tận, quán xả. Nếu Thánh đệ tử luôn quán vô thường, quán sanh diệt, quán lìa dục, quán diệt tận, quán xả thì đối với thân này vị ấy hoàn toàn diệt sạch sự ham muốn thân, nhớ tưởng thân, yêu thích thân, nhiễm trước thân, dính mắc thân. Này Hỏa Chủng! Có ba loại cảm thọ. Đó là cảm thọ khổ, cảm thọ lạc và cảm thọ không khổ không lạc. Ba loại cảm thọ này do cái gì làm nhân, do cái gì tập khởi, do cái gì sanh, do cái gì làm hiện hữu?75 Ba loại cảm thọ này do xúc làm nhân, do xúc tập khởi, do xúc sanh, do xúc hiện hữu. Mỗi mỗi xúc tập khởi thì thọ tập khởi; mỗi mỗi xúc diệt thì thọ diệt, vắng lặng, thanh lương, hoàn toàn dứt sạch. Người kia đối với ba loại cảm thọ biết rõ khổ, biết rõ lạc, biết rõ không khổ không lạc. Đối với mỗi thọ ấy đều biết đúng như thật về sự tập khởi, sự diệt mất, vị ngọt, sự tai hại, sự thoát ly. Đã biết như thật rồi liền đối với thọ ấy quán vô thường, quán sanh diệt, quán lìa dục, quán diệt tận, quán xả. Người kia ngay nơi giới hạn của thân biết như thật các cảm thọ, ngay nơi giới hạn của mạng biết như thật các cảm thọ. Khi lâm chung, ngay lúc ấy tất cả thọ hoàn toàn diệt mất, không còn gì nữa. Người ẩy suy nghĩ rằng: "Khi biết cảm thọ lạc, thân mình cũng hoại; khi biết cảm thọ khổ, thân mình cũng hoại; khi biết cảm thọ không kho không lạc, thân mình cũng hoại; như vậy thảy đều thoát khổ/9 Ngay lúc biết lạc thì lìa ràng buộc, không bi trói buộc; ngay lúc biết khổ thì lìa ràng buộc, không bị trói buộc; ngay lúc biết không khổ không lạc thì lìa ràng buộc, không bị trói buộc. Lìa ràng buộc gì? Lìa tham dục, sân hận, ngu si; lìa sanh, già, bệnh, chết, lo, buồn, khổ, não. Ta nói những điều này gọi là lia khổ vậy. Trong lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất mới thọ giới Cụ túc khoảng nửa tháng, đang đứng phía sau cầm quạt hầu Phật, liền suy nghĩ như vầy: "Đối với mỗi mỗi pháp, Thế Tôn đều khen ngợi việc đoạn dục, lìa dục, diệt tận dục và xả dục?9 Thế rồi, Tôn giả Xá-lợi-phất liền ngay nơi mỗi mỗi pháp mà quán vô thường, quán sanh diệt, quán lìa dục, quán diệt tận, quán xả, không khởi các lậu hoặc, tâm được giải thoát. Bấy giờ? tu sĩ ngoại đạo Trường Trảo xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh. Tu sĩ ngoại đạo Trường Trảo thấy pháp, đắc pháp, biết rõ giáo pháp, thể nhập giáo pháp, vượt khỏi nghi hoặc, không nương nơi khác mà được độ thoát, ở trong giáo pháp được vô sở úy. Thế rồi, Trường Trảo từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh sửa y phục, đảnh lễ đức Phật, chắp tay bạch rằng:

75 Xem chú thích 22 , kinh số 291, quyển 12, tr. 346; Tạp.(r02. 0099.291. 0082a28).

QUYỂN 34 1053

Con xin được ở trong Giáo pháp và Giới luật xuất gia, thọ giới Cụ túc, ở trong Phật pháp tu các Phạm hạnh. Đức Phật bảo ngoại đạo xuất gia Trường Trảo: Ông được phép ở trong Giáo pháp và Giới luật xuất gia, thọ giới Cụ túc, trở thành Tỳ-kheo. Ngay khi đó Trường Trảo liền được xuất gia, là bậc "Thiện lai Ty-kheo!55 Sau khi xuất gia rồi, Trường Trảo thường tư duy về mục đích khiến người thiện nam cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, với niềm tin chân chánh, sống không gia đình, xuất gia học đạo... (cho đến) tâm hoàn toàn giải thoát/6 chứng quả A-la-hán. Đức Phật nói kinh nay xong, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Trường Trảo nghe lời Phật dạy thảy đều hoan hỷ phụng hành.76 77

76 Nguyên tác: Thiện giải thoát (suvimuttă). Trong Tạp A-hàm, cú ngữ này còn được viết là "chanh giải thoát,5 (,sammâvimuttà), chỉ cho việc giải thoát hoàn toàn (samma). Trong Chủ giải Kỉnh Gilānā (Gilānasuttavannanā)^ ngài Buddhaghosa giải thích răng, "tâm thiện giải thoát" chính là quả giải thoát của bậc A-la-hán (Arahattaphalavimuttiyā vimuttacittassà). 77 Bản Hán, hết quyển 34.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.